

I. MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA GIỮA KÌ II – NĂM HỌC 2022-2023
MÔN: SINH HỌC LỚP 12 – THỜI GIAN LÀM BÀI: 45 PHÚT

TT	Đơn vị kiến thức	Mức độ nhận thức										
		Nhận biết		Thông hiểu		Vận dụng		Vận dụng cao				
		Số CH	Thời gian (phút)	Số CH	Thời gian (phút)	Số CH	Thời gian (phút)	Số CH	Thời gian (phút)	TN	TL	
1	Môi trường và các nhân tố sinh thái	1	1.0	1	1.5	1	1.5			3		4.0
2	Quần thể sinh vật và mối quan hệ giữa các cá thể trong quần thể	1	1.0	2	3.0			1	3.5	4		7.5
3	Các đặc trưng cơ bản của quần thể sinh vật	6	6.0	1	1.5	2	3.0			9		10.5
4	Biến động số lượng cá thể của quần thể sinh vật			1	1.5	1	1.5			2		3.0
5	Quần xã sinh vật	3	3.0	3	4.5	1	1.5	1	3.5	8		12.5
6	Diễn thế sinh thái	1	1.0	1	1.5	1	1.5	1	3.5	4		7.5
	Tổng	12	12.0	9	13.5	6	9.0	3	10.5	30		45

II. BẢNG ĐẶC TẢ ĐỀ KIỂM TRA GIỮA KÌ II
MÔN: SINH HỌC LỚP 12 – THỜI GIAN LÀM BÀI: 45 PHÚT

TT	Đơn vị kiến thức	Mức độ kiến thức, kĩ năng cần kiểm tra, đánh giá	Số câu hỏi theo mức độ nhận thức			
			Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng	Vận dụng cao
	Môi trường và các nhân tố sinh thái	Nhận biết: 1. Nhận biết được khái niệm ổ sinh thái Thông hiểu: 2. Hiểu được khoảng giới hạn sinh thái của một loài sinh vật Vận dụng: 3. Vận dụng ổ sinh thái để chỉ ra phát biểu đúng	1	1	1	
	Quần thể sinh vật và mối quan hệ giữa các cá thể trong quần thể	Nhận biết: 4. Xác định được mối quan hệ giữa các cá thể trong quần thể Thông hiểu: 5. Dựa vào các ví dụ để xác định quần thể 6. Dựa vào mối quan hệ cạnh tranh để chỉ ra phát biểu không đúng Vận dụng cao 7. Vận dụng để tính số lượng cá thể của quần thể	1	2		1
	Các đặc trưng cơ bản của quần thể sinh vật	Nhận biết: 8. . Nhận biết đặc trưng về tỉ lệ giới tính 9. Nêu được ý nghĩa sinh thái của phân bố theo nhóm 10. Nhận biết được các cấu trúc tuổi của quần thể 11. Nhận biết vai trò của mật độ cá thể 12. Tăng trưởng của quần thể sinh vật 13. Nhận biết được đặc điểm của phân bố đồng đều	6	1	2	

TT	Đơn vị kiến thức	Mức độ kiến thức, kĩ năng cần kiểm tra, đánh giá	Số câu hỏi theo mức độ nhận thức			
			Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng	Vận dụng cao
		Thông hiểu: 14. Hiểu được đặc trưng kích thước quần thể để đưa ra nhận định đúng Vận dụng: 15. Hiểu được đặc trưng ảnh hưởng mạnh đến quần thể 16. Phân biệt được mối quan hệ giữa kích thước quần thể và kích thước cơ thể				
	Biến động số lượng cá thể của quần thể sinh vật	Thông hiểu: 17. Xác định được nguyên nhân gây biến động số lượng cá thể Vận dụng 18. Vận dụng để xác định được các dạng biến động		1	1	
	Quần xã sinh vật	Nhận biết: 19. Nhận biết được đặc trưng về thành phần loài trong quần xã 20. Nhận biết được nguyên nhân dẫn tới sự phân tầng trong quần xã 21. Xác định được loài ưu thế của một quần xã Thông hiểu 22. Phân biệt được hiện tượng khống chế sinh học 23,24. Xác định được các kiểu quan hệ trong quần xã Vận dụng: 25. Hiểu được bản chất của quần xã. Vận dụng cao: 26. Hiểu được mối quan hệ giữa các loài trong quần xã sinh vật	3	3	1	1

Câu 5. Tập hợp sinh vật nào sau đây gọi là quần thể?

- A. Tập hợp cá sống trong Hồ Tây.
- B. Tập hợp cá Cóc sống trong Vườn Quốc Gia Tam Đảo.
- C. Tập hợp cây thân leo trong rừng mưa nhiệt đới.
- D. Tập hợp các con ong thợ lấy mật ở vườn hoa

Câu 6: Trong các phát biểu sau, có bao nhiêu phát biểu đúng về mối quan hệ cạnh tranh giữa các cá thể trong quần thể sinh vật?

- I. Khi quan hệ cạnh tranh gay gắt thì các cá thể cạnh tranh yếu có thể bị đào thải khỏi quần thể.
- II. Quan hệ cạnh tranh chỉ xảy ra khi mật độ cá thể của quần thể tăng lên quá cao, nguồn sống của môi trường không đủ cung cấp cho mọi cá thể trong quần thể.
- III. Quan hệ cạnh tranh đảm bảo số lượng cá thể của quần thể ở mức độ phù hợp giúp quần thể tồn tại và phát triển,
- IV. Quan hệ cạnh tranh làm tăng nhanh kích thước của quần thể.

A. 1 B. 3 C. 4 D. 2

Câu 7: Một quần thể động vật, ban đầu có 20000 cá thể. Quần thể này có tỷ lệ sinh là 10%/năm, tỷ lệ tử vong là 7%/năm, tỷ lệ xuất cư là 1%/năm, tỷ lệ nhập cư là 2%/năm. Theo lý thuyết, sau 2 năm, quần thể sẽ có bao nhiêu cá thể?

A. 21800. B. 20200. C. 20800. D. 21632

Câu 8: Hình thức phân bố cá thể theo nhóm trong quần thể có ý nghĩa sinh thái gì?

- A. Các cá thể hỗ trợ nhau chống lại điều kiện bất lợi của môi trường
- B. Các cá thể tận dụng được nguồn sống từ môi trường
- C. Giảm mức độ cạnh tranh giữa các cá thể trong quần thể
- D. Tăng khả năng sinh sản của các cá thể trong quần thể

Câu 9: Trong cấu trúc tuổi của quần thể sinh vật, tuổi quần thể là:

- A. tuổi thọ trung bình của các cá thể trong quần thể.
- B. thời gian để quần thể tăng trưởng và phát triển.
- C. thời gian sống của 1 cá thể có tuổi thọ cao nhất trong quần thể.
- D. thời gian tồn tại thực của quần thể trong tự nhiên.

Câu 10: Mật độ cá thể của quần thể được xem là đặc trưng cơ bản nhất của quần thể vì mật độ:

- A. thể hiện chiều hướng phát triển của quần xã tương ứng với sự biến đổi của điều kiện môi trường.
- B. ảnh hưởng tới mức độ sử dụng nguồn sống trong môi trường, tới khả năng sinh sản và tử vong của cá thể trong quần thể.
- C. là một chỉ tiêu quan trọng đánh giá mức độ thích nghi của cá thể sinh vật cũng như quần thể với môi trường.

D. phản ánh khả năng cạnh tranh của quần thể sinh vật này với quần thể thuộc loài khác trong cùng một môi trường sống.

Câu 11: Quần thể sinh vật tăng trưởng theo tiềm năng sinh học trong điều kiện nào sau đây?

- A. Nguồn sống trong môi trường không hoàn toàn thuận lợi, gây nên sự xuất cư theo mùa.
- B. Nguồn sống trong môi trường rất dồi dào, hoàn toàn thỏa mãn nhu cầu của các cá thể.
- C. Nguồn sống trong môi trường không thuận lợi, hạn chế về khả năng sinh sản của loài.
- D. Không gian cư trú của quần thể bị giới hạn, gây nên sự biến động số lượng cá thể.

Câu 12: Phân bố đồng đều giữa các cá thể trong quần thể thường gặp khi?

- A. điều kiện sống trong môi trường phân bố đồng đều và không có sự cạnh tranh gay gắt giữa các cá thể trong quần thể.
- B. điều kiện sống phân bố không đều và không có sự cạnh tranh gay gắt giữa các cá thể trong quần thể.
- C. điều kiện sống phân bố một cách đồng đều và có sự cạnh tranh gay gắt giữa các cá thể trong quần thể.
- D. các cá thể của quần thể sống thành bầy đàn ở những nơi có nguồn sống dồi dào nhất.

Câu 13: Ý nào không được phản ánh trong tháp tuổi người?

- A. Tỷ lệ lao động.
- B. Trạng thái quần thể.
- C. Tỷ lệ các nhóm tuổi
- D. Kích thước quần thể.

Câu 14: Có bao nhiêu phát biểu sau đây đúng về kích thước của quần thể sinh vật?

- I. Kích thước quần thể là không gian cần thiết để quần thể tồn tại và phát triển.
- II. Kích thước tối đa là giới hạn lớn nhất về số lượng mà quần thể có thể đạt được, phù hợp với khả năng cung cấp nguồn sống của môi trường.
- III. Nếu kích thước quần thể xuống dưới mức tối thiểu, quần thể dễ rơi vào trạng thái suy giảm dẫn tới diệt vong.
- IV. Kích thước quần thể luôn ổn định và giống nhau ở tất cả các quần thể cùng loài.

A. 4 B. 2 C. 5 D. 3

Câu 15 : Đặc trưng quan trọng ảnh hưởng mạnh mẽ nhất đến hiệu quả sinh sản của quần thể là:

- A. tỉ lệ giới tính.
- B. cấu trúc tuổi.
- C. mật độ.
- D. sự phân bố cá thể.

Câu 16: Khi nói về quan hệ giữa kích thước quần thể (về số lượng) và kích thước cơ thể, phát biểu nào sau đây sai?

- A. Loài có kích thước cơ thể nhỏ thường có kích thước quần thể lớn.
- B. Loài có kích thước cơ thể lớn thường có kích thước quần thể nhỏ.
- C. Kích thước cơ thể của loài tỉ lệ thuận với kích thước của quần thể.
- D. Kích thước cơ thể và kích thước quần thể của loài phù hợp với nguồn sống.

Câu 17: Chọn ý *sai* khi nói về nguyên nhân trực tiếp gây ra sự biến động số lượng cá thể của quần thể?

- A. Mức sinh sản B. Mức tử vong
- C. Mức cạnh tranh D. Mức nhập cư

Câu 18: Dạng biến động số lượng cá thể nào sau đây thuộc dạng không theo chu kỳ?

- A. Nhiệt độ tăng đột ngột làm sâu bọ trên đồng cỏ chết hàng loạt.
- B. Trung bình khoảng 7 năm cá cơm ở vùng biển Peru chết hàng loạt.
- C. Số lượng tảo trên mặt nước Hồ Gươm tăng cao vào ban ngày, giảm vào ban đêm.
- D. Muỗi xuất hiện nhiều vào mùa mưa, giảm vào mùa khô.

Câu 19: Trong các hệ sinh thái trên cạn, loài ưu thế thường thuộc về

- A. giới động vật B. giới thực vật C. giới nấm D. giới nhân sơ (vi khuẩn)

Câu 20: Nguyên nhân dẫn tới sự phân tầng trong quần xã

- A. Do sự phân bố các nhân tố sinh thái không giống nhau, đồng thời mỗi loài thích nghi với các điều kiện sống khác nhau.
- B. Để tăng khả năng sử dụng nguồn sống, do các loài có nhu cầu ánh sáng khác nhau.
- C. Để tiết kiệm diện tích, do các loài có nhu cầu nhiệt độ khác nhau và tăng không gian phân bố của các cá thể sinh vật.
- D. Để giảm sự cạnh tranh nguồn sống, tiết kiệm diện tích và tạo ra sự giao thoa ở sinh thái giữa các quần thể sinh vật.

Câu 21: Các cây tràm ở rừng U Minh là loài

- A. ưu thế
- B. đặc trưng
- C. đặc biệt
- D. có số lượng nhiều

Câu 22: Để diệt sâu đục thân lúa, người ta thả ong mắt đỏ vào ruộng lúa. Đó là phương pháp đấu tranh sinh học dựa vào:

- A. A. cạnh tranh cùng loài B. khống chế sinh học
- B. C. cân bằng sinh học D. cân bằng quần thể

Câu 23: Trên đồng cỏ, các con bò đang ăn cỏ. Bò tiêu hóa được cỏ nhờ các vi sinh vật sống trong dạ cỏ. Các con chim sáo đang tìm ăn các con rận sống trên da bò. Khi nói về mối quan hệ giữa các sinh vật trên, phát biểu nào sau đây đúng?

- A. Quan hệ giữa chim sáo và rận là quan hệ hội sinh.
- B. Quan hệ giữa rận và bò là quan hệ sinh vật này ăn sinh vật khác.
- C. Quan hệ giữa bò và sinh vật trong dạ cỏ là quan hệ cộng sinh.

D. Quan hệ giữa vi sinh vật và rận là quan hệ cạnh tranh.

Câu 24: . Hiện tượng cá sấu há to miệng cho một loài chim “xỉa răng” hộ là biểu hiện quan hệ:

- A. cộng sinh B. hội sinh
C. hợp tác D. kí sinh

Câu 25: Trong; các phát biểu sau về quần xã, có bao nhiêu phát biểu đúng?

- (1) Quần xã là tập hợp gồm nhiều cá thể khác loài, cùng sống trong một sinh cảnh.
(2) Môi trường càng thuận lợi thì độ đa dạng của quần xã càng cao.
(3) Loài ưu thế là loài chỉ có ở một quần xã nhất định nào đó.
(4) Sự phân tầng giúp sinh vật tận dụng tốt nguồn sống và giảm sự cạnh tranh giữa các loài.
- A. 1 B. 2 C. 3 D. 4

Câu 26: Khi nói về mối quan hệ giữa các loài trong quần xã sinh vật, xét các kết luận sau đây

- (1) Mỗi quan hệ vật ăn thịt – con mồi là động lực thúc đẩy quần thể con mồi tiến hóa nhưng không thúc đẩy sự tiến hóa của quần thể vật ăn thịt.
(2) Những loài sử dụng nguồn thức ăn giống nhau và cùng chung sống trong một sinh cảnh sẽ xảy ra sự cạnh tranh khác loài.
(3) Ở mỗi quan hệ vật kí sinh – vật chủ, vật kí sinh thường chỉ làm suy yếu vật chủ chứ không tiêu diệt vật chủ.
(4) Quan hệ cạnh tranh khác loài là một trong những động lực thúc đẩy quá trình tiến hóa.
- Có bao nhiêu kết luận đúng?

- A. 2. B. 3. C. 4. D. 1.

Câu 27: . Sự hình thành ao cá tự nhiên từ một hồ bom được gọi là:

- A. diễn thế nguyên sinh B. diễn thế thứ sinh
C. diễn thế phân huỷ D. diễn thế nhân tạo

Câu 28: Điều nào sau đây không phải là nguyên nhân dẫn đến diễn thế sinh thái ?

- A. Do chính hoạt động khai thác tài nguyên của con người
B. Do cạnh tranh và hợp tác giữa các loài trong quần xã
C. Do thay đổi của điều kiện tự nhiên, khí hậu
D. Do cạnh tranh gay gắt giữa các loài trong quần xã

Câu 29: Phát biểu nào sau đây là đúng khi nói về diễn thế sinh thái

- A. Diễn thế nguyên sinh xảy ra ở môi trường đã có một quần xã sinh vật nhất định.
B. Diễn thế thứ sinh xảy ra ở môi trường mà trước đó chưa có một quần xã sinh vật nào.

C. Trong diễn thế sinh thái, sự biến đổi của quần xã diễn ra độc lập với sự biến đổi điều kiện ngoại cảnh.

D. Trong diễn thế sinh thái, các quần xã sinh vật biến đổi tuần tự thay thế lẫn nhau.

Câu 30. Việc nghiên cứu diễn thế sinh thái đối với ngành nông nghiệp có ý nghĩa như thế nào?

A. Nắm được quy luật phát triển của quần xã.

B. Xây dựng kế hoạch dài hạn cho nông, lâm, ngư nghiệp.

C. Phán đoán được quần xã tiên phong và quần xã cuối cùng.

D. Biết được quần xã trước và quần xã sẽ thay thế nó.

